

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 27 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để làm Bãi dúc dầm và Bệ phản áp phục vụ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 14/02/2019 của UBND tỉnh Bình Định về việc ban hành chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 65/2019/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của UBND tỉnh về việc ban hành Bảng giá các loại đất định kỳ 05 năm (năm 2020-2024) trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Căn cứ Quyết định số 52/2022/QĐ-UBND ngày 17/8/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc và mô tả trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 09/2021/QĐ-UBND ngày 25/3/2021 của UBND tỉnh về việc ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây cối, hoa màu khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 2914/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D - Quốc lộ 19 mới;

Căn cứ Quyết định số 1568/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể để lập phương án bồi thường, GPMB xây dựng Khu tái định cư phục vụ dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, thành phố Quy Nhơn;

Theo đề nghị của Hội đồng bồi thường GPMB tại Văn bản số 43/TTr-BGPMB ngày 24/03/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ cho 27 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để làm Bãi đúc dầm và Bệ phản áp phục vụ thi công dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, với nội dung chính như sau:

1. Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 27 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất để làm Bãi đúc dầm và Bệ phản áp để phục vụ thi công dự án và chi phí phục vụ công tác GPMB (2%) là 580.875.000 đồng (Năm trăm tám mươi triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Trong đó:

- Giá trị bồi thường, hỗ trợ cho hộ là: 569.485.000 đồng;
- + Giá trị bồi thường cây cối, hoa màu: 103.284.000 đồng;
- + Giá trị hỗ trợ hoa màu trong thời gian ngừng sx: 413.136.000 đồng;
- + Giá trị hỗ trợ cải tạo đất cho người dân: 53.065.000 đồng;
- Chi phí phục vụ công tác GPMB (2%): 11.390.000 đồng.

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

2. Nguồn vốn chi trả: Vốn bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D đến Quốc lộ 19 mới.

Điều 2. Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Quyết định này theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Trưởng ban Ban GPMB tỉnh, Giám đốc Ban QLDA Giao thông tỉnh, Giám đốc Kho bạc nhà nước tỉnh, Chủ tịch UBND thành phố Quy Nhơn, các hộ gia đình, cá nhân có liên quan và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT UBND tỉnh;
- PCT Nguyễn Tự Công Hoàng;
- PVP TD;
- Lưu: VT, K19. (M.12b)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Tự Công Hoàng

PHỤ LỤC

Bảng tổng hợp giá trị bồi thường, hỗ trợ cho 27 hộ gia đình, cá nhân bị ảnh hưởng do mượn tạm đất làm Bãi đúc dầm và Bệ phản áp để phục vụ thi công Dự án: Xây dựng tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ Quốc lộ 1D-Quốc lộ 19 mới

Địa điểm: Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày /3/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh)

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Tờ BĐ trích đo	Số Thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích đất mượn tạm	Diện tích còn lại	Nội dung bồi thường, hỗ trợ			Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
									Bồi thường hoa màu	Hỗ trợ hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất 2 năm (2 vụ /năm) Đơn giá 4.500 đ/m2/vụ	Hỗ trợ cải tạo đất (2.312 đồng)		
I	Bồi thường, hỗ trợ cho 08 hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng mượn tạm đất làm bãi đúc dầm						11.230,1		50.535.450	202.141.800	25.963.991	278.641.241	
1	Võ Văn Vũ, vợ Phạm Thị Mỹ	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	108	1.103,6	LUC	1.103,6	0,0	4.966.200	19.864.800	2.551.523	27.382.523	
2	Nguyễn Ngọc Lang (chết), con Nguyễn Đình Khương (ĐDKK)	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	106	1.232,2	LUC	1.232,2	0,0	5.544.900	22.179.600	2.848.846	30.573.346	
3	Nguyễn Ngọc Thọ , con Hoàng Thị Hương (ĐDKK)	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	104	1.380,5	LUC	1.380,5	0,0	6.212.250	24.849.000	3.191.716	34.252.966	
4	Võ Yến (chết), con Võ Đức Thịnh (ĐDKK)	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	105	749,6	LUC	749,6	0,0	3.373.200	13.492.800	1.733.075	18.599.075	

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Tờ BĐ trích đo	Số Thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích đất mượn tạm	Diện tích còn lại	Bồi thường hoa màu	Hỗ trợ hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất 2 năm (2 vụ /năm) Đơn giá 4.500 đ/m2/vụ	Hỗ trợ cải tạo đất (2.312 đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
5	Dương Anh Tiến	Khu vực 4, phường Nhơn Bình	TD1	78	780,7	LUC	2.312,3	0,0	10.405.350	41.621.400	5.346.038	57.372.788	Ảnh hưởng tuyến đường 8,5m2
			TD1	102	957,4	LUC							
			TD1	75	574,2	LUC							Ảnh hưởng tuyến đường 228,1 m ²
6	Nguyễn Sanh Thắng	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	112	2.451,9	LUC	2.451,9	0,0	11.033.550	44.134.200	5.668.793	60.836.543	
7	Dương Thị Năm (chết), con Nguyễn Đức Hồng Sơn (ĐDKK)	Khu vực 2, phường Nhơn Bình	TD1	107	826,4	LUC	826,4	0,0	3.718.800	14.875.200	1.910.637	20.504.637	
8	Huỳnh Thị Dội, con Mai Thị Xuân (ĐDKK)	Khu vực 4, phường Nhơn Bình	TD1	103	1.173,6	LUC	1.173,6	0,0	5.281.200	21.124.800	2.713.363	29.119.363	
II	Bồi thường, hỗ trợ cho 19 hộ gia đình cá nhân bị ảnh hưởng mượn tạm đất làm bệ phản áp						11.721,9		52.748.550	210.994.200	27.101.033	290.843.783	

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Tờ BĐ trích đo	Số Thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích đất mượn tạm	Diện tích còn lại	Bồi thường hoa màu	Hỗ trợ hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất 2 năm (2 vụ /năm) Đơn giá 4.500 đ/m2/vụ	Hỗ trợ cải tạo đất (2.312 đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Đễ	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	19	1.408,3	LUC	674,0	680,0	3.033.000	12.132.000	1.558.288	16.723.288	Ảnh hưởng tuyến đường 54,3m ² ; Đợt 1 - 24
2	Võ Văn Thuận, vợ Nguyễn Thị Hạnh	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	18	1.049,0	LUC	549,8	420,1	2.474.100	9.896.400	1.271.138	13.641.638	Ảnh hưởng tuyến đường 79,1m ² ; Đợt 1 - 29
3	Trần Minh Chánh	Khu vực 9, phường Nhơn Bình	TD1	17	789,3	LUC	655,0	0,0	2.947.500	11.790.000	1.514.360	16.251.860	Ảnh hưởng tuyến đường 134,3m ² ; Đợt 1 - 26
4	Nguyễn Thị Thúy	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	20	928,5	LUC	715,7	0,0	3.220.650	12.882.600	1.654.698	17.757.948	Ảnh hưởng tuyến đường 212,8m ² ; Đợt 1 - 56
5	Trần Anh Dũng (chết), vợ Trương Thị Ba	Khu vực 9, phường Nhơn Bình	TD1	21	824,9	LUC	604,1	0,0	2.718.450	10.873.800	1.396.679	14.988.929	Thu hồi tuyến đường 220,8m ² ; Đợt 1 - 25
6	Dương Hiếu (chết), vợ Nguyễn Thị Lang (chết), con Dương Văn Hồng (Đại diện kê khai)	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	25	1.543,2	LUC	741,4	505,5	3.336.300	13.345.200	1.714.117	18.395.617	Ảnh hưởng tuyến đường 296,3m ² ; Đợt 1 - 27

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Tờ BĐ trích đo	Số Thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích đất mượn tạm	Diện tích còn lại	Bồi thường hoa màu	Hỗ trợ hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất 2 năm (2 vụ /năm) Đơn giá 4.500 đ/m2/vụ	Hỗ trợ cải tạo đất (2.312 đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
7	Dương Văn Kim	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	26	1.610,7	LUC	734,5	591,1	3.305.250	13.221.000	1.698.164	18.224.414	Ảnh hưởng tuyến đường 285,1m2; Đợt 1 - 30
8	Đoàn Cồn (chết), con Đoàn Cửu (đại diện kê khai)	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	33	1.540,9	LUC	967,9	482,9	4.355.550	17.422.200	2.237.785	24.015.535	Ảnh hưởng tuyến đường 90,1m2; Đợt 1 - 57
9	Nguyễn Văn Sơn (chết), vợ Trần Thị Quế	Khu vực 4, phường Nhơn Bình	TD1	42	1.186,2	LUC	887,6	0,0	3.994.200	15.976.800	2.052.131	22.023.131	Ảnh hưởng tuyến đường 396,3m2; Đợt 1 - 69
			TD1	40	97,7	LUC							
10	Phan Hữu Lực (chết), vợ Nguyễn Thị Lang	Khu vực 4, phường Nhơn Bình	TD1	35	550,0	LUC	550,0	0,0	2.475.000	9.900.000	1.271.600	13.646.600	Ảnh hưởng tuyến đường 636,8m2; Đợt 1 - 18
11	Hà Thị Lựu (chết), con Nguyễn Hạnh Phúc (đại diện kê khai)	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	36	1.624,5	LUC	673,1	519,8	3.028.950	12.115.800	1.556.207	16.700.957	Ảnh hưởng tuyến đường 431,6m2; Đợt 1 - 18

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Tờ BĐ trích đo	Số Thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích đất mượn tạm	Diện tích còn lại	Bồi thường hoa màu	Hỗ trợ hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất 2 năm (2 vụ /năm) Đơn giá 4.500 đ/m2/vụ	Hỗ trợ cải tạo đất (2.312 đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
12	Nguyễn Văn Minh, vợ Nguyễn Thị Lâu	Khu vực 4, phường Nhơn Bình	TD1	37	272,6	LUC	272,6	0,0	1.226.700	4.906.800	630.251	6.763.751	Ảnh hưởng tuyến đường 72,6m ² ;
13	Lê Thị Hoài, con Hà Trọng Tuấn (ĐDKK)	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	34	1661,1	LUC	353,1	1.308,0	1.588.950	6.355.800	816.367	8.761.117	
14	Dương Văn Pháp, vợ Phan Thị Hóa	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	2	1802,4	LUC	722,3	1.080,1	4.819.500	19.278.000	2.476.152	26.573.652	
			TD1	5	348,7	LUC	348,7						
15	Nguyễn Thị Cúc (chết), con Nguyễn Đình Thọ (ĐDKK)	Khu vực 5, phường Nhơn Bình	TD1	9	1102,4	LUC	175,6	926,8	790.200	3.160.800	405.987	4.356.987	
16	Nguyễn Thị Nhẹ, con Nguyễn Thị Mộng Lành (ĐDKK)	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	10	1453,2	LUC	516,5	936,7	2.324.250	9.297.000	1.194.148	12.815.398	
17	Võ Văn Quang	Khu vực 9, phường Nhơn Bình	TD1	24	1606,2	LUC	671,5	934,7	3.021.750	12.087.000	1.552.508	16.661.258	Ảnh hưởng tuyến đường 934,7 m ²

TT	Chủ sử dụng đất	Địa chỉ	Tờ BĐ trích đo	Số Thửa	Diện tích	Loại đất	Diện tích đất mượn tạm	Diện tích còn lại	Bồi thường hoa màu	Hỗ trợ hoa màu trong thời gian ngừng sản xuất 2 năm (2 vụ /năm) Đơn giá 4.500 đ/m2/vụ	Hỗ trợ cải tạo đất (2.312 đồng)	Tổng giá trị bồi thường, hỗ trợ	Ghi chú
18	Lê Văn Mười, con Lê Hoàng Vũ (ĐDKK)	Khu vực 8, phường Nhơn Bình	TD1	41	564,1	LUC	564,1	0,0	2.538.450	10.153.800	1.304.199	13.996.449	
19	Võ Thị Lợi, con Nguyễn Thanh Hiền (ĐDKK)	Khu vực 7, phường Nhơn Bình	TD1	1	1535,3	LUC	344,4	1.154,6	1.549.800	6.199.200	796.253	8.545.253	Ảnh hưởng tuyến đường 36,3m ²
A	Tổng cộng chi phí bồi thường, hỗ trợ						22.952,0		103.284.000	413.136.000	53.065.024	569.485.000	
B	Chi phí phục vụ công tác GPMB											11.390.000	
Tổng cộng (A+B)												580.875.000	